

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.  
Bà Đào Thị Giang.  
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.  
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 453/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm: 2003.  
- Bị đơn: Anh Trần Văn Thái S, sinh năm: 1992.  
Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.  
(các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, chị Đỗ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Thái S tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2022. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau và anh chị đã sống riêng; hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Thành V, sinh ngày 14/3/2023. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu V và tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2023, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Tại bản tự khai ngày 28/4/2023, bị đơn anh Trần Văn Thái S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B là vợ chồng hợp pháp như chị B đã ghi trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng như chị B trình bày, anh vẫn còn thương vợ và con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Thành V, sinh ngày 14/3/2023. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu V và không yêu cầu chị B cấp dưỡng, vì anh hiện nay anh có công việc ổn định, còn chị B công việc không ổn định nên không thể chăm sóc con tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng (vi phạm thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát); việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị B là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị B phải nộp án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đỗ Thị B nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Thái S, sinh năm: 1992, địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị B nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị B và anh S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Thanh B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/KH ngày 20/4/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh S, hiện không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống riêng. Anh S không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và anh còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh S để làm việc nhưng anh S vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh S không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh S với chị B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Thành V, sinh ngày 14/3/2023, anh S và chị B đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng xét cháu V dưới 36 tháng tuổi và hiện nay đang sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị B về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với anh Trần Văn Thái S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị B được ly hôn với anh Trần Văn Thái S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thành V, sinh ngày 14/3/2023 cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm thời anh Trần Văn Thái S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Thái S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002872 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Đỗ Thị B đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đỗ Thị B, anh Trần Văn Thái S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**